

“Thằng Bố Vợ Tôi”.

Hoàng Long Hải

Gọi bố vợ bằng thằng là điều không ai chấp nhận được.

“Tứ thân phụ mẫu”, cha mẹ vợ hay cha mẹ chồng đều phải được kính trọng, thương yêu như nhau.

Cha vợ hay cha chồng đều gọi bằng cha, bằng bố. Mẹ vợ hay mẹ chồng đều được gọi bằng mẹ hay má, v.v...

Trong luân lý này, người Mỹ khác với người Việt. Không phải là cha mẹ sinh ra mình, mà cha mẹ của vợ hay chồng, họ thêm vào chữ “in law”. Tại sao phải phân biệt cha mẹ vợ hay cha mẹ chồng?

Thế mà tôi gọi bố vợ bằng “thằng”.

Nếu người ta chửi cho, mắng là đồ mất dạy, hỗn láo, vô văn hóa cũng là chuyện thường.

Bố vợ tôi không phải là người mất tư cách hay vô lương tâm, hay làm điều chi vô luân bại lý mà để tôi khinh thị gọi bằng “thằng”. “Ông” là người rất hiền lành! Thế mà một buổi sáng, bọn tôi ba “đứa”, những “đứa” còn sót lại trong cuộc chiến tranh tàn khốc vừa qua, nay “lưu lạc” ở xứ “Mỹ cờ hoa” này, ngồi uống cà-phê trong một cái quán ăn sáng ở Orange County, quán tuy không đẹp nhưng thanh lịch, cây cỏ chung quanh tươi mát đẹp đẽ, vậy mà Quang mắng tôi một câu nghe thật buồn cười:

- Mày đẹp cái trò “bố bố con con” của mày lại đi. Mày, tao với nó là bạn, bạn từ hồi còn mặc quần xà-lỏn, gọi nhau “mày mày tao tao” quen đã mấy chục năm. Bây giờ nghe mày xưng “bố con” với nó, tao không thấy buồn cười mà thấy bực mình, mất vui.

Quang gọi là “nó”. Nó là bố vợ tôi đấy, là một đứa bạn trong bọn tôi đấy.

Sao gọi là “bọn tôi”?

Trước Hiệp Định Genève 1954 thành phố Saigon chỉ “rộng” tới cầu Trương Minh Giảng. Bên kia cầu, còn là vùng đất hoang, lầy lội, lau sậy mọc um tùm. Vùng đất ấy, xưa, chỉ có một xóm nhà nhỏ, của dân mò cua bắt ốc và trộm cắp. Người ta gọi đó là “Xóm Vẹc”.

Hồi ấy, dân chúng tập trung sống ở trung tâm Saigon, còn như ai ở “Xóm Vẹc”, là vùng ngoại ô, mất an ninh. Dân nhậu Saigon, nhà ở Xóm Vẹc, một là nhậu cho “tới chí” thì ngủ lại nhà bạn. Còn như ai muốn về thì lo về sớm. Về khuya trên đường Xóm Vẹc, không chừng bị du đảng đánh cho, bị cướp tiền bạc, bị lấy xe đạp. Lỡ như ai đó nhậu chưa tới, nửa muốn ở, nửa muốn về, bạn bè sẽ có người bảo: “*Thôi để cho ông ấy về, đường khuya nguy hiểm*”.

Thế rồi cả triệu người di cư năm 1954. Ai gốc nông dân, người ta định cư ở vùng nông thôn, dinh điền, khu trù mật... tiếp nối cái nghề tổ tiên để lại. Ai dân Hà Nội hay thành phố ở ngoài Bắc, không quen làm ruộng thì tập trung ở Saigon hay các thành phố khác phía nam vĩ tuyến.

Không còn đủ đất ở trung tâm Saigon, nên thủ đô miền Nam phình rộng ra.

Ngay xứ tôi ở, Xóm Vẹc ngày xưa, nay dân di cư tập trung đông đúc. Từ phía đầu cầu Trương Minh Giảng, lên tới “Lăng Cha Cả” là chỗ người Bắc định cư. Những khu vực được nhiều người nhắc tên mới là “Xóm Bùi Phát”. Có phải họ gốc Bùi Chu/ Phát Diệm? Nhà Thờ Ba Chuông, Cư xá Đô Thành.

Nhà Thờ, Chùa và Chợ theo dân mà mọc lên.

Lăng Cha Cả ở cuối đường Trương Minh Ký, ngày xưa vắng vẻ, quanh hiu, nay thành nơi đô hội. “Cái nhà lăng” kiểu xưa, ngói âm dương, cột kèo cũ kỹ nằm chơ vơ, xa lạ trước những ngôi nhà lầu cao vài ba tầng, kiểu mới, hiện đại.

Bọn tôi, cũng gốc “rân ri-cư”, – như chúng tôi thường gọi đùa chính mình -, từ năm lên năm, lên mười, lớn lên ở cái “Xóm Vẹc” thời xa xưa ấy. Tên đường Alfred Eyriaud Des Vergnes đổi thành đường Trương Minh Giảng, nối dài tới cuối đường, chỗ gần tới cổng Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội VNCH là đường Trương Minh Ký.

Chúng tôi bỏ không gọi Xóm Vẹc mà gọi theo những cái tên mới, xuất hiện cùng thời với dân di cư đến định cư ở đây. Tên “Xóm Vẹc” biến mất hồi nào mà không ai hay! Tội nghiệp hay không tội nghiệp cho một ông Tây tên Vẹc, một ông “thực dân”?

Bọn tôi không dưới năm đứa, không quá mười tên, học tiểu học với nhau, đầu tiên ở cái trường tư trong xóm, do một ông giáo già người Bắc di cư, nay đã nghỉ hưu, mở lớp dạy tư tại nhà. Một phần là vì chính phủ chưa kịp mở trường cho dân di cư, một phần, học ở đây thay vì phải vào thành phố.

Học ở “Trường Xóm”, chúng tôi khỏi phải đi xa, xe cộ bất tiện, tai nạn nguy hiểm. Học gần nhà, bố mẹ dễ “kiểm soát”, lại có ông thầy già nghiêm khắc, bọn chúng tôi bớt hoang nghịch. “Trường Xóm” của chúng tôi nó tương tự như trường của mấy ông đồ ngày xưa ở làng quê: Học trò đủ hạng tuổi, đủ hạng lớp... Kể theo cách ngày trước, thấp nhất là lớp Năm. Lớp này đông nhất, trên hai chục “đứa”. “Đứa” là học sinh nhỏ đấy. Rồi đến lớp Tư, học sinh ít hơn. Lớp Nhất là ít nhất, chỉ có mấy “anh”. “Anh” cũng là học sinh, nhưng lớn tuổi hơn bọn tôi, nên phải gọi bằng “anh” cho “phải phép”. Lớp này thầy dạy kỹ lắm vì năm tới phải thi vô trường công, khỏi học trường tư. Trường tư phải đóng học phí. Không kịp đóng học phí, học sinh sẽ bị đuổi học, về nhà xin tiền đóng tiếp để được học tiếp. “Tiền “học phí”, hậu học văn”. “Trường tư” thường bị mang tiếng kinh doanh hơn giáo dục. Nhưng không đóng học phí, tiền đâu trả lương cho thầy?!

Được mấy năm, ông thầy già qua đời. Nghề làm thầy giáo mà! “Tồn lắm”. Bố tôi thường nói vậy. Mẹ tôi bảo làm thầy giáo “dễ bị ho lao”. Người đời thì bảo là nghề “bán cháo phở”. Ông thầy già, sức yếu, lại nhiều năm gian khổ, dù không bị bệnh lao, ông vẫn qui tiên sớm là chuyện thường.

Ông chết rồi, bọn chúng tôi vẫn nhớ ông, và thương ông nữa, bởi ông có một điều đáng quý: Tận tâm với bọn trẻ chúng tôi, mặc dù chúng tôi vẫn ngán cây roi mây của ông, một là để thầy nhíp nhiều lần trên mặt bàn, nhắc chúng tôi im, không được nói chuyện, phải học bài làm bài chăm chỉ, và cũng “phét vào đít” thằng nào đó, cái tội nghịch trong giờ học hay đánh lộn ngoài giờ.

Ông thầy già qua đời rồi, trường “Xóm Vực” của tôi đóng cửa. Không ai nối nghiệp ông ở cái xóm mới định cư này. Chúng tôi xuống học lớp Nhất ở một cái trường tư khác, trên đường Kỳ Đồng, của “ông cha nhà thờ”. Trường có lớp này lớp kia đang hoàng, nhưng bọn học trò chúng tôi thì không đang hoàng. Sau giờ học, có khi bỏ cả giờ học, chúng tôi leo “Xe Buýt Đỏ”, loại này vừa thay cho “Xe Buýt Vàng”, để chui vào Sở Thú chơi.

Ồi tuyệt vời! Những buổi lang thang trong Sở Thú. *“Làm học trò nhưng không sách cầm tay! Có tâm sự đi nói cùng cây cỏ”* Ông nhà thơ Đinh Hùng nói chỉ đúng có một nửa, vì chúng tôi “*Có tâm sự*” gì đâu!

Tới giờ, lo tìm về cho đúng giờ để “ông bà via” của chúng tôi vẫn nghĩ chúng tôi là những đứa học trò ngoan.

Lên Trung Học, mỗi đứa chúng tôi xa nhau hơn. Đứa vào trường công, đứa vào trường tư. Gần thì Huỳnh Thị Ngà ở Xóm Chùa, vào Huỳnh Khương Ninh ở Đa-Kao, đứa xa hơn, Hưng Đạo, gần đường Trần Hưng Đạo. Bảy giờ thì tình hình Saigon “vui lắm”. Biểu tình, đá đảo, hoan hô, tuyệt thực, tự thiêu, đảo chánh, “biểu dương lực lượng”... xảy ra đều đều, tháng nào cũng có hay mỗi năm, năm bảy bận. Cũng có khi chúng tôi đi biểu tình “cho vui”, cho đời thêm “màu sắc”

Đậu tú tài, được vô đại học; nhưng chiến tranh đã gần kề. Súng không còn nổ ở Bình Giả, Đắc-Tô, Ban-Hét... “xa tí tít mù khơi” nữa mà gần kề hơn, có khi ngay tại Saigon. Việt Cộng gài lựu đạn, mìn, khủng bố. Thế rồi chúng tôi lần lượt vô quân trường lúc nào mà ngay chính mình cũng không nhớ tới nữa. Tới tuổi rồi, không đi sao được. Với lại, mấy ông thầy đứng trên bục giảng làm chúng tôi “hứng chí” không ít:

*“Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in”.*

Chúng tôi bỗng thấy “gần gũi” với màu áo lính trận, màu xanh cây rừng, màu hoa dù, màu rong biển... Vài bữa đi học về, nghe bố mẹ hay ai đó trong gia đình nói: “*Thằng X. đi Võ Bị rồi!*” Rồi lại: “*Thằng Y. vô Không Quân*”, rồi lại “*Thằng Z. đi Nhảy Dù*”, “*Thằng T. đi Biệt Động Quân*”. Biệt Động Quân là cạp “Ba Đầu Rắn” đấy.

Một hôm, gặp “Thằng bố vợ tôi”, sau này. Nó bảo: “*Tao đi Quân Cụ*”. Tôi ừ, nghĩ “*Lớng ngờ như mây, ra đơn vị tác chiến, bỏ mạng sa tràng sớm*.” Nói thì nói vậy, chứ đời chưa hẳn vậy. Đơn vị không tác chiến, có khi bỏ mạng sớm, còn như ai đánh giặc ngày này qua tháng khác, lại sống nhăn.

Thế rồi có đứa hy sinh, có đứa bị thương, thành thương binh, có đứa bị Việt Cộng bắt. Trong bọn tôi, tôi là người bị bắt sớm nhất, tù Việt Cộng sớm nhất. Năm 1971, tôi bị chúng nó bắt ở Hạ Lào. Những đứa còn lại, đều thua tuổi tù tôi những 4 năm. Sau Ba mươi tháng Tư, chúng nói mới lục tục kéo nhau “trình diện”, “đóng tiền đi ở tù”. Xem ra, tôi là “tù trưởng” của bọn chúng.

Từ Hạ Lào, Việt Cộng đưa “bọn tù binh chúng tôi” ra Bắc. Năm ký Hiệp Định Paris, tưởng chúng tha về, như các tù binh khác, nhưng không thấy động tĩnh gì cả. Sau này mới biết, khi Chính Phủ VNCH yêu cầu thả chúng tôi ra, bọn Việt Cộng nói chúng tôi bị bắt ở Lào là do Pathet Lào giam giữ, chúng nó không có trách nhiệm. Miệng lưỡi Cộng Sản, ghê gớm thật!

Mãi tới 16 năm sau, tôi mới “được tha ra khỏi trại cải tạo”. Đó là câu ghi trong cái gọi là “Lệnh Tha”. Sau 16 năm tù, về lại xóm cũ thấy quạnh hiu. Quạnh hiu là ở lòng người! Nhà cửa thì vẫn thế, không thay đổi gì nhiều. Người tuy đông mà vắng vẻ. Thế hệ cha ông chúng tôi, hầu như “qui tiên” hết cả rồi. Thế hệ tôi thì cũng tan tác. Mười phương tám hướng chúng nó đi hết: Vượt biên, kinh tế mới, về quê làm ruộng, đi làm ăn xa. Bọn trẻ lớn lên, nhiều đứa nhìn tôi xa lạ. Tôi xa nhà đã hơn hai mươi năm. Những đứa ngày tôi ra đi, nay hơn hai chục tuổi, làm sao chúng biết tôi là ai?



Khi tôi đạp chiếc xích-lô ngang cổng nhà người bạn cũ thì một cô gái khoảng hai mươi tuổi, tất tả từ trong nhà chạy ra, tay xách, tay mang, gọi ới ới:

- Chú Đức, chú Đức, chở cháu đi với.

Tôi dừng xe lại chờ. Ra tới nơi, cô gái hỏi:

- Chú đưa cháu qua chợ Hòa Hưng được không? Cháu đi gấp, sợ trễ.

Tôi hỏi:

- Cô muốn đi đường nào? Qua ngã Tân Sa Châu hay lên Thoại Ngọc Hầu. Đi ngã Tân Sa Châu ngắn hơn.

- Đường Tân Sa Châu xấu lắm. Lên Thoại Ngọc Hầu để đạp hơn.

Cô gái ngồi lên xe xong, tôi nghiêng mình lấy đà đạp xe đi. Một chốc, cô gái hỏi:

- Chú ăn gì chưa?

- Dân Saigon không ăn sáng, chỉ uống cà phê thôi. Trưa mới ăn.

- Buổi trưa chú ăn ở đâu?

- Không chắc ở đâu, ngang đâu tấp dầy, miễn no với rẻ thì thôi.

- Khổ nhỉ? Chốc nữa chú uống cà phê với cháu. Có chỗ này cà phê ngon lắm. Cô gái nói.

- Cô sợ trễ mà? Tôi hỏi.

- Một chút không sao! Cô ta trả lời.

Một lúc cô ta hỏi:

- Chú đạp xe từ hồi nào?

- Cải tạo về tới giờ! Tôi trả lời.

- Sao gọi là cải tạo? Tù chớ. Cô gái cải chính.

- Với ai quen mới gọi tù. Lỡ gặp cán bộ, gọi tù nó phê bình đấy! Tôi nói.

- Ôi giờ! Bây giờ ai còn ngại gì nữa. Cán bộ, Công An cũng như mình thôi, kiếm ăn cả. Cứ theo “Chính sách đường lối” thì lấy gì sống! Cô gái trả lời.

Lại một lúc, cô ta nói:

- Bố cháu cũng tù về đấy! Chú biết không?

- Biết sao không? Ông ấy là bạn với tôi từ hồi còn nhỏ đấy! Bố cháu cũng đỡ vất vả. Mẹ cháu và chị em cháu đảm đang. Ông ấy chỉ giúp vợ việc lật vật.

Tôi nhớ tới Hiền. Có lẽ là bố cô gái. Nó hiền đúng như tên nó. Dù có lính lác như tôi, nhưng nó ít gian khổ hơn nhiều. Nghĩ thế, tôi nói:

- Ai có gia đình cũng đỡ. Tôi tù về thì không còn ai!

- Cháu biết, hàng xóm mà! Người trong nhà chú lần hồi đi cả. Mấy anh lớn chị lớn vượt biên. Ông cụ qua đời, ít lâu bà cụ cũng đi theo. May họ chưa lấy nhà, nhờ bà cô già.

Quả thật khi tôi tù về thì nhà không còn ai, chỉ còn bà cô già, chị của bố tôi. Bà ở góa từ khi còn trẻ, không chồng con gì cả. Trước 1975, bà vô chùa. Sau đó, thấy bố mẹ tôi cô quạnh, cô bỏ chùa về săn sóc, cơm nước

cho bố mẹ tôi. Bố mẹ tôi mất rồi, Việt Cộng tính lấy nhà vì bà là chị bố tôi, chúng nạt có bà không có quyền thừa kế, thì tôi về. Cũng may, còn được căn nhà che mưa nắng, không thì ngủ gầm cầu.

Trong khi uống cà phê, cô gái hỏi:

- Hồi còn trẻ sao chú không lấy vợ như ba cháu?
- Lấy vợ sao được? Ba cháu ở “đơn vị không tác chiến”, có “chữ thợ”, lấy vợ không lo gì, chớ như bọn tôi, hành quân “mút mùa Lệ Thủy”, có ở nhà đâu. Với lại: “*Lỡ khi mình không về thì thương người vợ chờ...*”
- Chú cũng thơ thần dữ! Cô gái cười nói.
- Thơ người ta! Với lại, hồi đó chương trình Việt Văn thơ văn nhiều lắm. Bọn tôi phải học Chinh Phụ Ngâm.
- Cháu học sau “giải phóng”, chẳng biết gì hết! Cháu có nghe nói Chinh Phụ Ngâm, nhưng có biết gì đâu!
- Đó là bản dịch của bà Đoàn Thị Điểm. Hay lắm. Tôi nghe ông thầy giảng mấy lần câu “*Cổ lai chinh chiến địa, kỷ kiến hữu nhân hồ*”, nên khi đi lính rồi, ngại tính việc lấy vợ. Tôi giải thích.
- Câu chú đọc nghĩa như thế nào? Cô gái hỏi.
- Những người đi chinh chiến, ít thấy trở về! Tôi nói lại theo lời thầy giảng ngày trước.
- Đang đánh nhau với ngoài kia, mà lại dạy cho học trò như thế, cháu thấy có mâu thuẫn đấy! Cô ta nhận xét.
- Dĩ nhiên! Nhưng mà đất nước tự do, không cấm được. Đi lính là bổn phận, không lý không cần tới văn chương!” Tôi nói.

Cuối cùng, trước khi đi tiếp tới chợ, cô ta nói:

- Nói chuyện với chú vui đấy! Hay cứ mỗi sáng, chú đưa cháu sang chợ. Cháu khỏi lo trễ chợ, chú cháu mình lại uống cà phê. Tiền xe cháu tính đủ cho chú.
- Được thôi! Tôi chạy một ngày sao cho đủ mua gạo với rau muống là đủ, về nghỉ. Thành ra cũng thoải mái.

Vậy rồi, mỗi ngày, tôi đưa cô ra ra chợ. Quen dần, chiều lại thêm một “cuốc”, đón cô ta về. Công việc cứ thế diễn ra gần nửa năm. Trong khoảng thời gian đó, vì cùng xóm, có lần cô ta vào nhà thăm tôi, xem tôi ăn ở như thế nào, và bày tỏ vài ý kiến về cảnh sống của tôi: Đàn ông không vợ, sống với bà cô già. Bà cô đã già, nấu cơm bằng củi, khi chín khi khê, áo quần tôi lâu ngày không giặt, treo trên vách, thúí hoắc mờ hôi...

Vì vậy, một lần cô ta hỏi tôi:

- Chú Đức! Sao chú không lấy vợ đi?”

Tôi thành thật nói:

- Ai chịu làm vợ tôi bây giờ? Cô thử nghĩ đi!”

Một lúc tôi lại nói:

- Nửa đời nửa đoạn, trẻ không còn trẻ, già cũng chưa già hẳn.” Rồi tôi đọc nhại câu ca dao “Lấy ai ai lấy bây giờ lấy ai!” Trẻ thì họ không thể lấy tôi, ít ra tôi cũng lớn hơn vài chục tuổi. “Nửa đời hương phấn” thì “có đũa có đôi.” Còn lại thì có ai đó góa chồng mà tay dất tay bông: “Em tay bế tay bông”, đâu phải “người yêu năm cũ” để mà “thương thiếu phụ bên sông!
- Hồi ấy chú không có người yêu?” Cô ta hỏi.
- Vâng! Tôi nói rồi! Sợ người ta “Góa phụ ngây thơ!
- Hồi ấy tại sao chú đi lính? Cô ta lại hỏi.
- Ai cũng đi thì mình đi. Tôi có anh bạn cùng ở Dù. Anh nó quá ba mươi, đang dạy học, bỗng tình nguyện đi lính? Tôi nói.
- Không được miễn lính à?
- Có đâu! Mậu Thân ở Huế, ông người Huế – thấy học trò mang khăn tang nhiều quá nên ông bỏ dạy đăng lính. Có vợ con rồi đấy.
- Bây giờ mà chú không lấy vợ, cháu cũng không lấy chồng!
- Sao kỳ thế? Tôi ngạc nhiên hỏi.

Cô ta chưa kịp trả lời thì xe đã tới chợ. Cô ta xuống xe, quày quả vào chợ!

.....

Thế rồi ngày ngày qua đi...

Một hôm, tôi gọi chuyện:

- Mấy bữa nay, tôi cứ suy nghĩ hoài! Tại sao cô nói cô không lấy chồng.
- Chú nghĩ coi! Đời bây giờ có anh thanh niên nào vừa mắt mình để lấy làm chồng! Con gái phải có “thần tượng” chứ! Cháu lớn lên, thế hệ chú và ba cháu qua rồi, vô tù hết cả rồi. Nhưng hình ảnh những người lính thời đó, vẫn còn lại trong lòng cháu. Cháu thấy thích và ngưỡng mộ khi nghĩ đến họ. Còn như đời bây giờ... Cô ta bỏ lửng câu nói.
- Bây giờ thì sao? Tôi già bộ hời.
- Bây giờ, thời bình, cái hào hùng của người lính không còn nữa. Giữa cái hỗn độn xã hội bây giờ, cháu biết tìm ai? Cô ta tâm sự.
- Cũng có người cho cô vậy! Tôi an ủi.
- Khó lắm chú à! Thanh niên bây giờ, muốn kiếm sống, phải lo chạy mách.
- Cô cho chạy “mách” là không đứng đắn sao? Tôi hỏi.
- Mách là mách mung. Mách mung thì làm người đứng đắn thế nào được? Cháu lấy một anh chạy mách làm chồng sao? Cô gái than thở.
- Gắng tìm một người không chạy mách mà chọn làm chồng. Tôi nói.
- Khó lắm chú à! Ai cũng phải chạy mách hết, ai cũng phải mách mung để kiếm sống! Muốn sống, buôn bán như cháu cũng mách. Lấy một công nhân, viên chức, muốn sống cũng chạy mách. Mách với mọi người, riết rồi vợ mách với chồng, chồng mách với vợ. Vợ chồng coi như xong.
- Đó là cách “quản lý xã hội” của họ đấy. Ai cũng phải có một cái gì đấy, để chính quyền coi như cái án treo, khi cần thì cho vào tù cho dễ.
- Kinh thật chú nhỉ? Thành ra cháu không thể lấy chồng, đành chịu vậy!

Lại đến chợ! Cô ta quày quả vào chợ.

Thế rồi ngày ngày qua đi... Một hôm cô ta hỏi tôi một câu, tôi cho là “động trời!”

- Cháu muốn chú cưới cháu làm vợ!

Tôi lặng người đi, vừa kinh ngạc, vừa lạ lúng. Tôi hỏi:

- Tại sao cháu nói thế?
- Không phải cháu muốn đi HO với chú. Gia đình cháu cũng chuẩn bị đi HO như chú. Không lấy chú, không đi HO với chú, cháu đi với ba mẹ cháu. Cháu muốn chú cưới cháu vì suy đi tính lại, cháu chẳng thấy ai hơn.
- Tại sao cháu nghĩ thế? Tuổi tác xa nhau quá mà!
- Hai chục tuổi mà xa gì. Đàn bà mau già lắm. Mẹ cháu nói vậy. Cháu sinh vài đứa con, coi như cháu... già bằng chú. Vả lại tình yêu chú à! Cháu nghĩ cháu cũng có thể yêu chú vậy. Cháu có đọc sách Chu Tử. Tình yêu không cần tuổi tác.
- Chú nghĩ cháu không yêu chú! Cháu chỉ thương hại!
- Ba cháu nói người Việt giàu tình thương. Cha mẹ, vợ chồng, anh em, bà con, tất cả đều bắt đầu bằng tình thương. Ngày xưa, không yêu nhau mà lấy nhau, người ta thương nhau, rồi yêu nhau. Sau này người ta đổi chữ đấy chú à! Cô gái nói.
- Đổi chữ là sao? Chú chưa hiểu.
- Ba cháu nói hồi xưa ít dùng chữ “yêu” mà thường nói chữ thương. “*Thương nhau cởi áo cho nhau...*” Chớ đâu phải “*Yêu nhau...*” Yêu nhau là nói theo cách bây giờ. Xưa là “*Thương nhau...*” Ba cháu nói bản “*Nắng chiều*”, chú nhớ không? In đầu tiên, ông nhạc sĩ viết “*Lạnh lùng nhìn anh, em nói “mến” anh.*” Mà không viết “*yêu anh*”. Sau này người ta hát “*yêu anh*” là sai đấy! Phải không?” Thành ra, cháu có “*thương hại*” chú, rồi có... “*yêu chú*” cũng không có gì lạ cả. Con người ta, căn bản là tình thương, không phải tình yêu. Ba cháu giải thích “*thương*” là cho mà không đòi lại. Yêu là cho mà đòi lại. “*Yêu rất nhiều song chẳng nhận bao nhiêu.*”
- Cô sâu sắc đấy!” Tôi nói.
- Không phải đâu! Ba cháu giải thích cả đấy!
- Cóc mở miệng, (Thằng) đó mà nói là như “*Cóc mở miệng*”. Nói xong, tôi thấy ngại. Tôi lờ lờ, gọi bố cô ta bằng “*thằng*”.

Một chốc, tôi nói:

- Nhưng chú thấy ngại quá! Làm sao chú có thể mở miệng xin cưới cháu với bố mẹ cháu được?
- Chú đừng lo! Cháu sẽ nói. Cháu mở đường xong thì chú tiếp tục... rần mà đạp xe xích lô. Cô ta nói nửa đùa nửa thật.

Thế rồi “*thằng*” ấy trở thành bố vợ tôi.

Tôi rất thương vợ, và kính trọng bố vợ như cô ta kính trọng cha mẹ cô ta vậy. Ở địa vị người rể, tôi gọi thằng bạn thân ấy là “bố” và xưng “con” như vợ tôi vậy!

Rắc rối là từ khi qua Mỹ rồi, cùng ở Orange County, lại cũng đã già, “đắt khách quê người”, tình bạn cũ càng thêm khăng khít nên ít nhất, mỗi tuần, sáng Chủ Nhật, cả bọn năm bảy đứa, họp nhau uống cà-phê ở một quán quen, để kể chuyện cũ, vui đùa, chọc quê nhau, một phần vì bạn với nhau từ khi thơ ấu, một phần, cũng “quen đời lính” “lúc nào cũng vui đùa” để quên bớt... súng đạn. Đúng là thói cũ khó chữa.

Cũng rắc rối là cái thằng Quang. Ngồi chung một bàn, quen như ở nhà, – vợ chồng tôi ở chung với bố mẹ vợ – nên cứ quen miệng “bố bố, con con” khiến thằng Quang chười tôi không ít bận, cho là gai tai nó. Tôi bỏ “họp mặt” mấy lần, khiến bọn nó nhắc hoài. Hôm qua, Lộc gọi cho tôi:

- Ế! Đức, mai chủ nhật, mày vắng mặt là tội nó chười cho đấy!
- Nhưng tao... rồi tôi ngập ngừng.

Lộc nói:

- Mày sợ thằng Quang chớ gì. Thằng chó “đạp chó không ngó đằng sau”. Tù về, nó mới lấy vợ. Vợ nó trước kia góa chồng, tử trận, để lại hai con, lớn hơn nói ba tuổi. “Trai tân lấy gái nạ dòng”, có ai nói gì đâu!

Thế là tôi thủ sẵn “vũ khí”. Ngày hôm sau, đang ngồi cười đùa vui vẻ, thấy tôi “bố bố, con con” với bố vợ, Quang nói:

- Mày dẹp cái “trò bố con” của mày lại đi. Tao gai quá!

Tôi phản pháo ngay:

- Nói thật với mày. Tao thương vợ nên gọi “nó” bằng bố. Mày có thương vợ mày không? Nếu mày thương vợ thì mày gọi vợ mày bằng “Chị” hay bằng “Em? Mày nói “Em yêu chị” hay “Anh yêu em”. Trả lời đi!

Cả bọn cười ồ.

Vậy là coi như xong một màn “Hài kịch thời đại”!

hoànglonghải

c/c: Gởi Trần Phú Trắc, Phạm Quang Chiêu và “Tù trưởng của tôi”: Đinh Đức Chính.